

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ DFVN-CAF
NĂM TÀI CHÍNH 2020**

I. Môi trường đầu tư năm 2020

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn giữ được kiểm soát khá tốt mặc dù bị ảnh hưởng mạnh do dịch bệnh. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) lấy lại đà tăng trưởng khá 4,48% trong quý IV và đạt mức 2,91% cả năm 2020 sau khi tăng trưởng mạnh trong năm 2019 với mức tăng ấn tượng 7,02%, đây là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây. Mặc dù trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây có thể xem là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng dương năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện: Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,4% do trình độ của người lao động ngày càng được nâng cao (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2020 đạt 24,1%, cao hơn mức 22,8% của năm 2019).

Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; 6,08 năm 2019; ước tính đạt 6,07. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy được năng lực nên ICOR năm 2020 đạt 14,28; bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR đạt 7,04 (theo Tổng cục Thống kê Việt Nam).

Trong bức tranh vĩ mô của Việt Nam năm 2020, chỉ số tăng trưởng xuất nhập khẩu là điểm sáng trong bối cảnh nhiều khó khăn, với mức tăng 5,1% so với năm trước (ước tính đạt 543.9 tỷ USD). Cán cân thương mại hàng hóa đạt mức xuất siêu kỷ lục 19,1 tỷ USD trong năm 2020. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tiếp tục hồi phục sau dịch bệnh và duy trì trên mức 50 trong các tháng cuối năm 2020 (đạt 51,7 trong tháng 12) tuy có lúc về mức thấp kỷ lục 32,7 trong tháng 4. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) có sự suy giảm nhẹ, giải ngân đạt 20 tỷ USD năm 2020 giảm 2% so với năm 2019; trong khi đó, tình hình lạm phát (CPI bình quân) năm 2020 là 3,23%, tuy nhiên CPI tháng 12 so với cùng kỳ 2019 tăng 0,19%, đây là mức tăng CPI thấp nhất trong nhiều năm qua. Tỷ giá được Chính Phủ điều hành linh động nhằm ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế. Dự trữ ngoại hối ước đạt 100 tỷ USD đến hết năm 2020.

Trong năm 2020, mặc dù chịu tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, TTCK Việt Nam đã phục hồi bền vững và tăng trưởng ngoạn mục trên hầu hết tất cả các khía cạnh của thị trường vào giai đoạn cuối năm 2020. Chỉ số VN Index đạt 1.103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng gần 15% so với thời điểm cuối năm 2019. Thanh khoản của thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.400 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019.

Quy mô thị trường cổ phiếu vượt mục tiêu Chính phủ đề ra cho đến năm 2020 và thị trường trái phiếu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối Quý I và tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương với 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra. Thị trường trái phiếu có 477 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.388 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% so với cuối năm 2019 (tương đương 23% GDP). Bên

cạnh đó, thị trường vẫn tiếp tục chờ đón những sự kiện mang tính xúc tác giúp thị trường tăng trưởng bền vững hơn, như việc nâng hạng TTCK từ Cận biên lên Mới nổi theo phân hạng của MSCI và/hoặc FTSE Russell. Kết quả là FTSE Russell tiếp tục duy trì Việt Nam trong danh sách chờ xét nâng hạng (Watch list) từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Một sự kiện mang tính cơ cấu phát triển lâu dài cho thị trường chứng khoán là Luật chứng khoán mới hiệu lực từ đầu năm 2021. Như vậy, với điểm tựa ổn định vĩ mô, cùng với bàn đạp là sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán sẽ tạo nền tảng bền vững và triển vọng tốt cho hoạt động của Quỹ.

II. Các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

| Cơ cấu tài sản Quỹ | 31/12/2020 (%) | 31/12/2019 (%) |
|---|-------------------|-------------------|
| 1. Danh mục chứng khoán | 96,17 | 91,41 |
| 2. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 2,99 | 8,17 |
| 3. Các khoản phải thu | 0,84 | 0,42 |
| Cộng | 100,00 | 100,00 |

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2019 |
|--|-----------------|----------------|
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 102.601.036.261 | 80.870.153.926 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 8.125.094,24 | 7.747.580,49 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ) | 12.627,67 | 10.438,11 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 12.627,67 | 11.121,66 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 7.497,48 | 9.991,19 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ | 20,98% | 4,38% |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 17,11% | 2,90% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 0,38% | (0,44)% |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có |

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2019 |
|---|------------|------------|
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 3,42% | 3,47% |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 180,62% | 192,25% |

- Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2020



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 VND | 31/12/2019 VND | Tỷ lệ thay đổi % |
|--|-------------------|-------------------|---------------------|
| A | 1 | 2 | $3 = ((1)-(2))/(2)$ |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 102.601.036.261 | 80.870.153.926 | 26,87% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 12.627,67 | 10.438,11 | 20,98% |

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng do thị trường chứng khoán tăng điểm.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**